

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
GHI TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN MÔN HỌC

ĐỀ THI, ĐÁP ÁN/RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2023-2024

ĐỀ 1

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Văn hóa các dân tộc Việt Nam		
Mã học phần:	232_71TOUR40043_01	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	71K29DULI02 71K29DULI01		
Hình thức thi: Tự luận	Thời gian làm bài:	90	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input type="checkbox"/> Có	<input checked="" type="checkbox"/> Không	

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman

- Size: 13

- Quy ước đặt tên file đề thi:

+ **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TUL_De 1

+ **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TUL_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Vận dụng kiến thức về văn hóa để phân tích đặc trưng văn hóa của các dân tộc thông qua đời sống vật chất và đời sống tinh thần	Tự luận	70%	1 2	7.0	PI2.1 PI2.3
CLO2	Vận dụng kiến thức về văn hóa các dân tộc đánh giá thực trạng văn hóa các dân tộc Việt Nam phục vụ cho việc nghiên cứu và bảo tồn các giá trị văn hóa	Tự luận	30%	3	3.0	PI7.2

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

Câu hỏi 1: (4,0 điểm)

Anh/Chị hãy kể tên các dân tộc theo nhóm ngữ hệ Việt – Mường. - Vận dụng kiến thức đã học, Anh/Chị hãy trình bày đặc trưng văn hóa của đồng bào Mường thông qua đời sống vật chất và đời sống tinh thần.

Câu hỏi 2: (3,0 điểm)

Anh/Chị hãy trình bày Lễ hội mừng lúa mới của đồng bào Tà Riềng (thuộc dân tộc Gié-Triêng), qua đó thể hiện rõ giá trị văn hóa tinh thần của đồng bào.

Câu hỏi 3: (3,0 điểm)

Anh/Chị hãy lý giải vì sao việc bảo tồn giá trị văn hóa của các dân tộc Việt Nam là một phần quan trọng của việc xây dựng và phát triển văn hóa của quốc gia?

ĐÁP ÁP VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Tự luận			
Câu 1	Anh/Chị hãy kể tên các dân tộc theo nhóm ngữ hệ Việt – Mường. - Vận dụng kiến thức đã học, Anh/Chị hãy trình bày đặc trưng văn hóa của đồng bào Mường thông qua đời sống vật chất và đời sống tinh thần.	4.0	
Nội dung a.	- Nhóm Việt - Mường có 4 dân tộc: Kinh, Mường, Thổ, Chứt.	0,5	
Nội dung b.	Dân tộc Mường Ngôn ngữ: Tiếng nói thuộc nhóm ngôn ngữ Việt - Mường (ngữ hệ Nam Á). Lịch sử: Cùng nguồn gốc với người Việt cư trú lâu đời ở vùng Hoà Bình, Thanh Hoá, Phú Thọ... Lịch: Lịch cổ truyền người Mường gọi là sách đôi làm bằng 12 thẻ tre tương ứng với 12 tháng. Trên mỗi thẻ có khắc	3.5	

	<p>ký hiệu khác nhau để biết tính toán, xem ngày, giờ tốt xấu.</p> <p>Hoạt động sản xuất: Nông nghiệp ruộng nước chiếm vị trí hàng đầu, cây lúa là cây lương thực chính.</p> <p>Âm thực: Họ thích ăn các món đồ như xôi đồ, cơm tẻ đồ, rau, cá đồ. Cơm, rau đồ chín được dỡ ra rá tãi đều cho khỏi nát trước khi ăn.</p> <p>Rượu cần của người Mường nổi tiếng bởi cách chế biến và hương vị đậm đà của men được đem ra mời khách quý và uống trong các cuộc vui tập thể.</p> <p>Trang phục: Bộ y phục nữ đa dạng hơn nam giới và còn giữ được nét độc đáo. Khăn đội đầu yếm, áo cánh (phổ biến là màu trắng). Cạp váy các hoa văn được dệt kỳ công.</p> <p>Cư trú: Người Mường sống tập trung thành làng xóm ở chân núi, bên sườn đồi, nơi đất thoải gần sông suối... ở tỉnh Hoà Bình, Thanh Hoá, Phú Thọ. Mỗi làng có khoảng vài chục hộ dân.</p> <p>Kiến trúc: Đại bộ phận ở nhà sàn, kiểu nhà bốn mái. Phần trên sàn người ở, dưới gầm đặt chuồng gia súc, gia cầm, để cối giã gạo, các công cụ sản xuất khác.</p> <p>Tục cưới xin: Trai gái tự do yêu đương tìm hiểu, ưng ý nhau thì báo để gia đình chuẩn bị lễ cưới. Để dẫn đến đám cưới phải qua các bước: ướm hỏi, lễ bỏ trầu, lễ xin cưới, lễ cưới lần thứ nhất, lễ đón dâu.</p> <p>Tục ma chay: Tang lễ do thầy mo chủ trì, dẫn dắt. Bên cạnh hình thức chịu tang của con trai, con gái như vẫn bình thường thấy ở người Việt, riêng con dâu, cháu dâu chịu tang cha mẹ, ông bà còn có bộ tang phục riêng gọi là bộ quạt ma.</p>		
--	--	--	--

	<p>Lễ hội: Người Mường có nhiều ngày hội quanh năm: Sắc bùa, hội xuống đồng (Khung mùa), hội cầu mưa (tháng 4), lễ rửa lá lúa (tháng 7, 8 âm lịch), lễ cơm mới...</p> <p>Hát Xéc bùa (có nơi gọi Xắc bùa hay Khoá rác). Thường (có nơi gọi Ràng thường hoặc Xường) là loại dân ca ca ngợi lao động, và các nét đẹp phong tục dân tộc.</p> <p>Người Mường có lễ ca. Đó là những áng mo, bài khấn do thầy mo đọc và hát trong đám tang.</p> <p>Ngoài sáo, nhị, trống, kèn... thì công chiêng là nhạc cụ đặc sắc.</p> <p>Trò chơi dân gian: Trò chơi của người Mường như: thi bắn nỏ, đánh đu, ném còn...</p>		
Câu 2	<p>Anh/Chị hãy trình bày Lễ hội mừng lúa mới của đồng bào Tà Riềng (thuộc dân tộc Gié-Triêng), qua đó thể hiện rõ được giá trị văn hóa tinh thần của đồng bào.</p>	3.0	
Nội dung a.	<p>Lễ hội mừng lúa mới của đồng bào Tà Riềng (thuộc dân tộc Gié-Triêng) tại xã Đắc Tôi, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.</p> <p>Thời gian: vào giữa tháng 11 âm lịch hàng năm, khi vụ mùa lúa rẫy vừa thu hoạch, lại tổ chức lễ mừng lúa mới (Tol Ba Rieng) nhằm cầu mong mùa màng bội thu, mưa thuận gió hòa...</p> <p>- Để chuẩn bị cho nghi lễ cúng thần, dựng cây nêu, sửa lại nhà kho, để lễ vật cúng lên sạp tre sát cạnh cây nêu, rượu cần, hai gùi lúa,... Già làng đến trước cây nêu khấn xin thần linh: “Mời các vị thần xuống ăn cơm mới, ăn thịt, uống rượu, phù hộ các gia đình, dân làng mùa vụ mới làm ăn khá giả, được mùa, thú rừng không phá phách, người làng mạnh khỏe, bệnh tật không còn”.</p>	1.5	

Nội dung b.	<p>Già làng vừa khấn vái, vừa dõi theo con gà trống đặt trên gùi lúa thiêng. Nếu con gà trống ăn hạt thóc hoặc cát tiếng gáy vang ngay trong lễ cúng, có nghĩa báo hiệu cho mùa màng năm sau tươi tốt, bội thu. Sau đó, già làng ôm con gà lên bới thóc trong hai chiếc gùi lúa trước khi cắt tiết, tay nắm đầy những hạt thóc rồi tung lên trời, cầu mong mọi điều tốt đẹp đến với dân làng.</p> <p>Tol Ba Riang mang ý nghĩa trân trọng, là một trong những lễ hội truyền thống gắn với tập tục đón rước thần linh, đón hồn lúa từ rẫy về ăn Tết cùng gia đình. Đây cũng là dịp để người Tà Riềng đón chào năm mới, cùng chia sẻ kinh nghiệm làm ăn, cầu mong vụ mùa tới sẽ thu hoạch nhiều lúa hơn.</p>	2.5	
Câu 3	<p>Anh/Chị hãy lý giải vì sao việc bảo tồn giá trị văn hóa của các dân tộc Việt Nam là một phần quan trọng của việc xây dựng và phát triển văn hóa của quốc gia?</p>	3.0	
Nội dung a.	<p>Bảo tồn sự đa dạng văn hóa: Việt Nam là quốc gia với nhiều dân tộc, mỗi dân tộc đều có những nét văn hóa đặc trưng riêng. Bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa của các dân tộc giúp bảo vệ và tôn vinh sự đa dạng văn hóa của quốc gia.</p> <p>Duy trì bản sắc văn hóa: Các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc là nền tảng quan trọng cho sự phát triển văn hóa của quốc gia. Bảo tồn những giá trị này giúp duy trì và phát triển bản sắc văn hóa độc đáo của Việt Nam trước sự đồng nhất hóa trong thời đại toàn cầu hóa.</p> <p>Góp phần vào sự đoàn kết và hiểu biết giữa các dân tộc: Việc bảo tồn và tôn vinh văn hóa của các dân tộc không</p>	1.5	

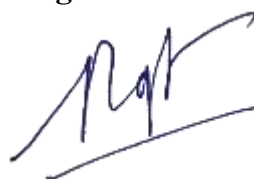
	<p>chỉ là việc bảo vệ di sản văn hóa, mà còn là cách để góp phần vào sự đoàn kết và hiểu biết giữa các dân tộc. Qua việc thể hiện sự tôn trọng và sự quan tâm đến văn hóa của nhau, các dân tộc có thể hiểu và tôn trọng lẫn nhau hơn.</p>		
Nội dung b.	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo điều kiện cho phát triển bền vững: Văn hóa là một phần không thể tách rời trong việc xây dựng cộng đồng và quốc gia. Bảo tồn và phát triển văn hóa của các dân tộc giúp tạo ra một môi trường sống văn minh, đa dạng và phong phú, góp phần vào sự phát triển bền vững của quốc gia. - Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa có hiệu quả đã góp phần tạo nên những thành tựu trong phát triển kinh tế-xã hội, phong phú, đa dạng hóa đời sống tinh thần đồng bào các dân tộc, góp phần vào sự phát triển chung của địa phương và của đất nước. - Tóm lại, việc bảo tồn giá trị văn hóa của các dân tộc Việt Nam không chỉ là việc bảo vệ di sản văn hóa, mà còn là một phần quan trọng trong việc xây dựng và phát triển văn hóa của cả quốc gia. Văn hóa các dân tộc là một bộ phận quan trọng, cấu thành của văn hóa Việt Nam, là tài sản quý giá của đất nước góp phần xây dựng nên văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. 	1.5	
	Điểm tổng	10.0	

Người duyệt đề



TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2024

Giảng viên ra đề



Ths. Nguyễn Vũ Quỳnh Thi. Ths. Nguyễn Thị Xuân Lộc